

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
/I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: **19/02/2024**

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I. Chứng khoán/Stock			
1	FPT	500	6.21%
2	ACB	1,700	5.55%
3	HPG	1,600	5.41%
4	VPB	2,300	5.40%
5	TCB	1,100	5.01%
6	MBB	1,400	3.97%
7	VNM	400	3.31%
8	MWG	600	3.28%
9	STB	900	3.28%
10	VCB	300	3.18%
11	VIC	600	3.12%
12	HDB	1,100	3.03%
13	VHM	500	2.52%
14	MSN	300	2.35%
15	LPB	1,100	2.33%
16	SSI	500	2.07%
17	SHB	1,400	1.97%
18	SSB	700	1.92%
19	EIB	800	1.78%
20	CTG	400	1.67%
21	VIB	600	1.57%



22	FRT	100	1.47%
23	MSB	800	1.44%
24	TPB	600	1.34%
25	VJC	100	1.25%
26	DGC	100	1.13%
27	KBC	300	1.12%
28	OCB	600	1.11%
29	VND	400	1.10%
30	PNJ	100	1.07%
31	VRE	400	1.06%
32	GAS	100	0.91%
33	DXG	400	0.90%
34	HSG	300	0.83%
35	GMD	100	0.83%
36	GEX	300	0.79%
37	VHC	100	0.79%
38	KDH	200	0.74%
39	KDC	100	0.74%
40	PDR	200	0.70%
41	REE	100	0.69%
42	SAB	100	0.69%
43	DGW	100	0.68%
44	DIG	200	0.66%
45	VIX	300	0.64%
46	BID	100	0.57%
47	VCI	100	0.53%
48	BVH	100	0.50%
49	NLG	100	0.46%
50	HAG	300	0.45%
51	PLX	100	0.42%
52	DPM	100	0.40%
53	DCM	100	0.40%
54	PC1	100	0.34%
55	DBC	100	0.34%
56	PVD	100	0.34%
57	PVT	100	0.33%
58	TCH	200	0.32%
59	HDG	100	0.32%
60	HCM	100	0.32%
61	SBT	200	0.32%
62	GVR	100	0.32%
63	VCG	100	0.30%
64	NKG	100	0.29%

270
CÔ
T
T TH
LÝ
HUN
I
TR

65	PAN	100	0.27%
66	POW	200	0.27%
67	BCG	200	0.20%
68	HHV	100	0.19%
69	EVF	100	0.18%
II.	Tiền/Cash (VND)	37,478,677	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 845,717,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 883,195,677

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 37,478,677

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	27,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	48,550	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	105,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	69,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	46,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	90,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	58,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	38,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	23,200	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

8-C
Y
I VIỆN
ĐẦU
HOÁN
TP

Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Hồ Nga", written over the stamp.

Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

